TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị An**.

Ông **Nguyễn Hữu Đệ**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Đăng Hùng**– Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Dung**- Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2025 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị A**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn Đìa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Trịnh Công B**, sinh năm 1984. Nơi thường trú: TDP Bùi, thị trấn Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang. Nơi ở hiện tại và nơi làm việc: Thôn Đìa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị A trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trịnh Công B ngày 30/3/2023 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại Thôn Đìa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn sau khi kết hôn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau trong nhiều vấn đề, anh B là người gia trưởng, muốn kiểm soát cuộc sống của chị,

hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, bất hoà. Nhiều lần anh B xin lỗi, chị đã tha thứ, cho anh cơ hội để thay đổi, sửa chữa nhưng không có kết quả. Từ ngày 09/3/2025, vợ chồng đã ly thân. Trong thời gian đó, nhiều lần anh B nhắn tin đe dọa, chửi bới chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

- **Về con chung**: Chị cam kết và xác nhận vợ chồng không có con chung.

- **Về tài sản chung**: Chị xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Bị đơn anh Trịnh Công B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.***

**** Tại phiên tòa hôm nay:***

- Nguyên đơn chị Phạm Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên những quan điểm, yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Trịnh Công B tiếp tục không có mặt nên không có ý kiến.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị A đối với anh Trịnh Công B.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về tố tụng**: Nguyên đơn chị Phạm Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trịnh Công B có nơi ở và làm việc tại địa bàn huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Như vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, TP. Hà Nội theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự: Anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự theo thủ tục chung quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[**2**] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Phạm Thị A và anh Trịnh Công B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2023 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2023 của UBND xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[**3**] **Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn**:

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn: Qua lời khai của đương sự và xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh B, chị A sinh sống thể hiện: Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống tại Thôn Đìa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội và mở cửa hàng sữa chữa xe máy tại địa phương. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn sau khi kết hôn thì anh chị xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong nhiều vấn đề, không có sự tin tưởng lẫn nhau, chủ yếu do anh B hay ghen tuông vô cớ, dọa đánh vợ. Vợ chồng anh chị đã ly thân được khoảng gần 01 năm nay, độc lập về kinh tế, không có trách nhiệm với nhau.

Chính quyền địa phương có quan điểm xác định khả năng hàn gắn là tương đối khó. Đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải, còn nếu không được, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng cho anh chị ly hôn để các bên ổn định cuộc sống riêng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án làm việc nên không thể tổ chức được phiên hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh B không có thiện chí trong việc giải quyết vụ án ly hôn này và không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định thời gian ly thân của chị A, anh B mặc dù chưa lâu, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể hàn gắn mà chủ yếu xuất phát từ phía anh B, không có căn cứ để xác định giữa hai bên vợ chồng có còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau hay không nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị A đối với anh Trịnh Công B để các bên ổn định cuộc sống riêng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[**4**] **Về con chung**: Không có.

[**5**] **Về tài sản chung**: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh B vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng nên không có quan điểm. Do đó, Tòa án không đưa ra xem xét giải quyết.

[**6**] **Về án phí**: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch.

[**7**] **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[**8**] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1Điều 39; Điều 203, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị A đối với anh Trịnh Công B. Chị A được ly hôn anh B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2023, đăng ký ngày 30/3/2023 tại UBND xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội cấp cho chị Phạm Thị A và anh Trịnh Công B không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số **72071** ngày 09/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Xác nhận chị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Lâm Bình

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã Hải Bối;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Lâm Bình

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Cao Thị Thuý

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Viện KS ND h.Z.*
- *Tòa án ND TP.Hà Nội.*
- *THA huyện Z.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:

- Lưu HSơ vụ án.

Cao Thị Thuý